TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 26/11/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Vinh.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tử Lượng.
Bà Phạm Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019.

Do bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/QĐ – PT ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1974;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1965;

Cùng trú tại địa chỉ: Số nhà 32, đường T, phố A, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đức H.

Tại phiên tòa có mặt anh Nguyễn Đức H. Chị Trần Thị Thanh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng

ký kết hôn ngày 16/10/1992 tại UBND xã N huyện H tỉnh Ninh Bình. Sau đó do bị mất giấy chứng nhận kết hôn và đã chuyển hộ khẩu thường trú về phường T thành phố N nên anh chị đi đăng ký kết hôn lại tại UBND phường T thành phố N ngày 30/5/2016. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Phủ Lý Hà Nam, đến năm 1994 thì chuyển về Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị đi làm tại Angola và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh Nguyễn Đức H biết và nói bỏ qua nhưng những năm gần đây mâu thuẫn ngày càng nặng nề nên 04 năm qua vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, khi có cơ hội thì lại làm tổn thương nhau, cuộc sống nặng nề và bế tắc vô cùng. Hai năm gần đây vợ chồng gần như không nói chuyện với nhau. Mặc dù không xảy ra đánh chửi nhau hay to tiếng nhưng về tình cảm cả hai người có sự lạnh nhạt với nhau. Bản thân chị không còn tình cảm gì với anh Nguyễn Đức H. Cả hai người chỉ sống với nhau bằng trách nhiệm chứ không phải tình cảm. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, thực sự cần sự giải thoát cho cả hai người. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Chị và anh Nguyễn Đức H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Đức H, sinh năm 1996. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 16/4/2019, đơn đề nghị ngày 28/4/2019, quá trình giải quyết vụ án Bị đơn là anh Nguyễn Đức H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị Trần Thị Thanh N trình bày là đúng. Năm 2007, vì điều kiện kinh tế chị Trần Thị Thanh N có đi làm ăn ở nước ngoài. Anh ở nhà chăm sóc, nuôi dạy con từ khi cháu lớn học lớp 8, cháu nhỏ học lớp 5. Trong thời gian này, anh chăm sóc các cháu đầy đủ, học hành tốt, còn chị Trần Thị Thanh N có quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh đã lượng thứ để giữ hạnh phúc gia đình, mong muốn cả hai người cùng bỏ cái tôi cá nhân để lo lắng, chăm sóc cho nhau. Anh thấy cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, còn việc ly thân là do chị Trần Thị Thanh N muốn, anh vẫn bình thường đối với vợ con. Quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì anh hiện nay tuổi đã cao, cả hai người đều có bệnh tật nên cần chăm sóc cho nhau. Anh vẫn còn yêu thương vợ và luôn làm tròn trách nhiệm với vợ con.

Anh và chị Trần Thị Thanh N có 02 con chung như chị Trần Thị Thanh N trình bày là đúng. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Toà án. Xử:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức H. (Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

Không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 anh Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N. Đề nghị Tòa án không giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, để vợ chồng được đoàn tụ, vì anh vẫn yêu vợ và gia đình, anh sẽ cố gắng khắc phục những nhược điểm, để giữ vững tổ ấm của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Đức H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự: Tại cấp phúc thẩm, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N. Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đức H được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Thanh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thanh N.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đức H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn ngày 16/10/1992 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 30/5/2016 anh chị đăng ký kết hôn lại tại UBND phường T, thành phố N (do giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1992 bị mất). Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2007 chị Trần Thị Thanh N đi làm ăn ở nước ngoài (Angola) và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Năm 2014 anh Nguyễn Đức H biết chuyện quan hệ bất chính của chị Trần Thị Thanh N đã ghen tuông và có những lời lẽ nặng nề, lăng mạ, xúc phạm chị Trần Thị Thanh N dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay và không còn tình cảm hay quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Thanh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Đức H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng; Tòa án cấp sơ thẩm xử ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Thanh N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức H.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức H không được chấp nhận nên anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai số AA/2018/0001236 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Tối cao (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA TP Ninh Bình (1);
- TAND TP Ninh Bình (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP, tòa DS (2)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tạ Văn Vinh